

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ HD GROUP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ HD GROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HD GROUP VIET NAM INVESTMENT TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HD GROUP VIET NAM IT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108320478

3. Ngày thành lập: 11/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 31 ngách 205/174 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: duoclieuhdgroup@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;	4659
2.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
3.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4932
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
6.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
7.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
8.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

9.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
10.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.	2790
11.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
12.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
13.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
14.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
15.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
16.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
17.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Hoạt động cứu hoả và phòng chống cháy nổ tại sân bay	5223
24.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: -Xây dựng các mạng lưới vận chuyển, phân phối và các công trình xây dựng dân dụng: Xây dựng mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông; -Xây dựng các công trình cửa: Nhà máy năng lượng.	4220
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490

28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện - Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát thi công các công trình viễn thông và công nghệ thông tin; - Tư vấn giám sát thi công các công trình điện (bao gồm nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp) ; - Thiết kế điện – cơ điện công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình ; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ ; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu;	7110
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
32.	Bốc xếp hàng hóa	5224
33.	Hoạt động viễn thông khác - Quản lý, vận hành, sửa chữa hệ thống thông tin viễn thông nội bộ; - Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; - Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); - Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).	6190
34.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
35.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
36.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
37.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
38.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
39.	Trồng lúa	0111
40.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
41.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

42.	Trồng cây mía	0114
43.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
44.	Trồng cây lấy sợi	0116
45.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
46.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
47.	Trồng cây hàng năm khác	0119
48.	Trồng cây ăn quả	0121
49.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
50.	Trồng cây điều	0123
51.	Trồng cây hồ tiêu	0124
52.	Trồng cây cao su	0125
53.	Trồng cây cà phê	0126
54.	Trồng cây chè	0127
55.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
56.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
57.	Chăn nuôi gia cầm	0146
58.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
59.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
60.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
61.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
62.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4669
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
65.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
67.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71.	Thu gom rác thải độc hại	3812
72.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa	4290

76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
78.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;	4329
79.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
80.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
81.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà Nước Cấm)	4620
82.	Bán buôn gạo	4631
83.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
84.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4661
85.	Bán buôn thực phẩm	4632
86.	Bán buôn đồ uống	4633
87.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Tổ dân phố số 4, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	30,000	030180004061	
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	30,000		

2	NGUYỄN THỊ THẨM	Thôn Mỹ Hào, Xã Ngọc Liên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	141957459	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN NĂNG MẠNH	Đội 3, thôn 2, Xã Vạn Phúc, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	1.250.000.000	25,000	141957459	
			Tổng số	12.500	1.250.000.000	25,000		
4	TRẦN VĂN BẢO	Xóm Cường Sơn, Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	1.250.000.000	25,000	036086005871	
			Tổng số	12.500	1.250.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 26/03/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030180004061

Ngày cấp: 03/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 4, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố số 4, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội